TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Niềm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hiếu Đạo.

2. Ông Lê Văn Qui.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Mỹ Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS ngày 27/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L 1, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L 1, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị U trình bày: Chị với anh Phạm Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2007, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (nay là thị xã L), tỉnh Hậu Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, từ tháng 8/2019 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, hơn nữa còn thường xuyên đánh đập chị gây thương tích, nên chị về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh T, nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con tên Phạm Thị D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/01/2007 và Phạm Văn Hồng T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 07/12/2011, hiện cháu D đang sống chung với chị và cháu T1 đang sống với anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, còn cháu T1 nếu có nguyện vọng sống chung với anh T chị sẽ đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản ngày 25/02/2021 bị đơn Phạm Văn T trình bày: Anh với chị U tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2007 tại UBND xã L. Quá trình chung sống vợ chồng có cự cãi, nên vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện Đ, tỉnh B sinh sống, đến năm 2018 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nên đã ly thân từ đó đến nay. Do còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Anh yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để về lo cho con, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại

phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, chưa chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn T. Về con chung: Chị U được tiếp tục nuôi cháu Phạm Thị D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/01/2007; ghi nhận tự nguyện của chị Nguyễn Thị U giao cháu Phạm Văn Hồng T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 07/12/2011 cho anh T nuôi dưỡng; chị U và anh T đều chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên chưa xem xét. Về nợ chung chị U, anh T khai không có, tài sản chung anh chị không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Nguyễn Thị U tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định được chị Nguyễn Thị U và anh Phạm Văn T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 01/6/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị U, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc và có con chung nhưng thời gian gần đây chị U và anh T phát sinh mâu thuẫn, anh chị thường bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Chị U cho rằng anh T nhiều lần uống rượu về đánh đập chị. Đối với anh T cho rằng còn thương vợ, nên không đồng ý ly hôn nhưng không có động thái tích cực để hàn gắn với chị U. Cụ thể từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần mời các đương sự hòa giải, mục đích để tạo điều kiện cho anh chị hóa giải mâu thuẫn và đoàn tụ gia đình nhưng anh T cố tình vắng mặt.

Về thời gian ly thân theo chị U thì vợ chồng ly thân năm 2019, còn theo anh T thì vợ chồng ly thân năm 2018. Tuy anh chị trình bày thời gian ly thân khác nhau, nhưng từ lời trình bày của anh chị xác định được anh chị ly thân đã khá lâu. Tại phiên tòa sau khi được Hội đồng xét xử giải thích, động viên nhưng chị U vẫn cương quyết ly hôn với anh Phạm Văn T. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị U và anh T là trầm trọng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Phạm Văn T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Phạm Văn T có 02 con chung, tên Phạm Thị D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/01/2007 và Phạm Văn Hồng T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 07/12/2011, hiện cháu D sống chung với chị U, cháu T1 đang sống chung với anh T. Khi ly hôn chị U yêu cầu được nuôi cháu D và đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị U và anh T ly thân cho đến nay chị là người trực tiếp nuôi cháu D còn anh T là người trực tiếp chăm sóc cho cháu T1. Mặc khác, tại biên bản ghi lời khai cháu D thể hiện nguyện vọng được sống chung với chị U, còn cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với anh T. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Thị

D cho chị Nguyễn Thị U nuôi và giao cháu Phạm Văn Hồng T1 cho anh Phạm Văn T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị U và anh Phạm Văn T chưa yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, và nợ chung các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị U phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U. Cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị U được tiếp tục nuôi cháu Phạm Thị D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/01/2007; anh Phạm Văn T được tiếp tục nuôi cháu Phạm Văn Hồng T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 07/12/2011.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung các đương sự xác định không có, nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, chuyển 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005141, ngày 14 tháng 12 năm 2020 chị U đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Ngọc Niềm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã L, thị xã L;
- Lưu.